

Số: *200* /KH-UBND

Hung Yên, ngày *31* tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2025

Thực hiện Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2025, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung vào thực hiện hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số đến năm 2025 theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phục vụ ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Chính quyền số, Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên.

b) Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nền tảng số

- 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã kết nối, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- 100% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng được ký số đầy đủ theo quy định (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp tỉnh đạt 90%; cấp huyện đạt 80%; cấp xã đạt 60%

- 100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh.

- Số hóa, xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Thực hiện cung cấp đầy đủ 130 loại dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước

- 50% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).

d) Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Thực hiện chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đối với 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo đồng bộ danh mục thủ tục hành chính với cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trung bình đạt tỷ lệ 90% thủ tục hành chính có đủ điều kiện. Trong đó, đối với các sở, ngành đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 80%; các địa phương đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 65% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%

- 100% cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử có quy định trả kết quả giải quyết bằng văn bản; số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia

- 100% cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

đ) Đẩy mạnh phát triển nền tảng số: Thực hiện xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng của các ngành; thực hiện chia sẻ, kết nối với các cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành qua trục LGSP của tỉnh và NDXP quốc gia.

e) Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%

- 100% trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách

- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.

- 100% các thôn, xóm đang lờm sóng được phủ sóng băng rộng di động; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.

- Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh đạt 100%.

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%

- Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 100%.

f) Đảm bảo an toàn thông tin, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, tập huấn và tuyên truyền

- 100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trước khi đưa vào sử dụng phải xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% các hệ thống thông tin cấp độ 3 của tỉnh được giám sát, cảnh báo về an toàn thông tin.

- 30% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.

(Chi tiết Danh mục các chỉ tiêu thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2025 tại Phụ lục 01)

II. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức số

a) Tiếp tục duy trì việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và đảm bảo về tần suất thực hiện, phản ánh kịp thời các hoạt động của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, của các tổ chức và cá nhân tích cực tham gia công tác này.

b) Tổ chức các hoạt động Ngày Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên và hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2025; triển khai thực hiện tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện tổng hợp những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn

tỉnh để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những mô hình hiệu quả về thực hiện chuyển đổi số.

2. Xây dựng thể chế số

a) Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện và ban hành kịp thời các văn bản pháp luật theo quy định nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, trình cấp thẩm quyền ban hành các chính sách: Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn đơn giá, định mức cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; Chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; chính sách hỗ trợ đối với Tổ công nghệ số cộng đồng.

b) Thực hiện cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo Quyết định 2568/QĐ-BTTTT ngày 20/12/2023 về ban hành khung kiến trúc chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số.

c) Tiếp tục thực hiện kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ tỉnh đến cơ sở để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

3. Hạ tầng kỹ thuật

a) Bổ sung, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan Nhà nước: Trang thiết bị công nghệ thông tin; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao;... đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối, triển khai các ứng dụng chuyển đổi số dùng chung của tỉnh. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và Trung tâm dữ liệu của tỉnh đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển Chính quyền số và hạ tầng, dịch vụ cho Đô thị thông minh.

b) Cập nhật, duy trì Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC); Trung tâm giám sát và điều phối an toàn thông tin (SOC).

c) Duy trì hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh, đến UBND cấp xã.

d) Nâng cấp, duy trì mạng diện rộng (WAN) của tỉnh trên cơ sở sử dụng mạng truyền số liệu dùng chung của cơ quan Đảng và Nhà nước để kết nối các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh triển khai các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành...

e) Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số tỉnh Hưng Yên đến 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Dữ liệu số

a) Tiếp tục triển khai, ứng dụng và phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do các Bộ, ngành Trung ương đã triển khai trên địa bàn tỉnh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do tỉnh triển khai. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương cập nhật và hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản, thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong tỉnh và với các cơ quan nhà nước ở Trung ương; Thực hiện cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

b) Tiếp tục thực hiện lộ trình chuyển đổi số; số hóa tài liệu, xây dựng dữ liệu dùng chung của ngành, tạo lập kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và tổ chức dữ liệu mở phục vụ xã hội. Cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tổ chức chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

5. Nền tảng số

a) Thực hiện kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành Trung ương, của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) phục vụ cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước các cấp.

b) Đầu tư xây dựng, phát triển, thuê dịch vụ các hệ thống nền tảng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh đã được phê duyệt, cập nhật.

c) Triển khai ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để nâng cao chất lượng công chức, chất lượng công tác xây dựng thể chế và dân trí.

6. Nhân lực số

a) Phối hợp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân trên địa bàn tỉnh về kiến thức và kỹ năng số, trong đó chú trọng kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin.

c) Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen sử dụng các hình thức truyền thống sang hình thức sử dụng các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, ứng dụng số trong các giao dịch của người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;

d) Ứng dụng các nền tảng số đào tạo trực tuyến do các Bộ, các doanh nghiệp số xây dựng và phát triển để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về chuyên môn, về công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

7. An toàn thông tin mạng

a) Thực hiện xác định cấp độ, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

b) Tổ chức vận hành Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin).

c) Đầu tư trang thiết bị bảo mật và thuê dịch vụ an toàn thông tin chuyên nghiệp nhằm bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung cho các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh. Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

d) Thực hiện rà soát, kiểm tra, đánh giá (về kỹ thuật) an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo quy định và các hệ thống thông tin trước khi đưa vào sử dụng. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các hệ thống thông tin của tỉnh.

e) Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

f) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân, tổ chức diễn tập về an toàn thông tin mạng của tỉnh.

8. Phát triển Chính quyền số

a) Sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung có hiệu quả: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh,... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng

b) Tiếp tục cung cấp đầy đủ chứng thư số chuyên dùng Chính phủ cho cá nhân và cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

c) Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT). Trước hết, tập trung triển khai các nội dung: Rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để thực hiện DVCTT toàn trình; Ưu tiên thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các DVCTT thiết yếu, nhiều người dùng. Triển khai Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC)..

d) Triển khai có hiệu quả Kho dữ liệu cho cá nhân, tổ chức trên hệ thống

giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh giúp người dân, tổ chức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến nhanh hơn. Thông tin, dữ liệu dễ dàng được tham chiếu, kiểm chứng. Người dân không phải cung cấp lại thông tin nhiều lần cho cơ quan nhà nước.

e) Tiếp tục duy trì việc đánh giá chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

f) Triển khai kế hoạch mở rộng triển khai mô hình chuyển đổi số cấp xã và xây dựng mô hình chuyển đổi số cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

g) Thực hiện chuyển đổi số hiệu quả, toàn diện tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh; bảo đảm hồ sơ TTHC được tiếp nhận, xử lý theo quy trình nội bộ giải quyết TTHC được phê duyệt theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

9. Phát triển Kinh tế số

a) Đẩy mạnh triển khai kinh tế số, phát triển cửa hàng số và tài khoản thanh toán điện tử cho hộ gia đình, nâng cao đời sống vật chất cho người dân, thay đổi tư duy, phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo cách làm truyền thống, giúp cho hộ gia đình ứng dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số.

b) Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số theo Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 20/4/2022 về Triển khai xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế.

d) Xây dựng, phát triển thị trường thương mại số phát triển bền vững, ứng dụng rộng rãi sàn thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; xây dựng hạ tầng số và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến, không dùng tiền mặt trong cộng đồng.

10. Phát triển Xã hội số

a) Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về các lợi ích đem lại khi ứng dụng các nền tảng số trong mọi mặt kinh tế - xã hội. Xây dựng thông tin về chuyển đổi số, phát triển các báo điện tử, đưa vào đào tạo ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục phổ thông, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên các ứng dụng trực tuyến, chú trọng ưu tiên các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực xã hội: giáo dục, y tế, giao thông, môi trường.

b) Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua

việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm.

c) Tiếp tục thiết lập, triển khai hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng (Tổ đề án 06), hướng tới hiệu quả. Trong đó, Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Mua sắm trực tuyến gắn với bảo vệ dữ liệu cá nhân; (3) Thanh toán trực tuyến an toàn, tiện lợi; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng; (5) Sử dụng nền tảng số khác đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, Du lịch, Logistics, Y tế, Giáo dục,...

d) Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

(Chi tiết Danh mục các nhiệm vụ giao chủ trì thực hiện tại Phụ lục 02)

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên nhiều nền tảng số khác nhau.

b) Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số; rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong

các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

c) Chuẩn hóa kiến thức cho cán bộ chuyên trách CNTT các cơ quan nhà nước theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về CNTT do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh.

b) Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Chủ động hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

a) Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT.

b) Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh

c) Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Giải pháp tổ chức, triển khai

a) Tăng cường hoạt động Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh trong công tác chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chung về xây dựng Chính quyền số của tỉnh.

b) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị các cấp, phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị nhằm xây dựng thành công Chính quyền số của tỉnh.

c) Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin về đảm bảo an toàn thông tin mạng, phòng chống tấn công mạng, giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố an ninh mạng tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

IV. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2025

Chi tiết Danh mục các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2025 tại Phụ lục 03.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách Trung ương (nếu có), ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí truyền thông triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp khác để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện.

c) Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, các hệ thống thông tin của các ngành trong nội bộ tỉnh qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu tỉnh (LGSP), tích hợp dữ liệu quốc gia (NDXP).

d) Triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước về Chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số, an toàn thông tin mạng

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tham mưu UBND tỉnh triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND cấp xã trong việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo đồng bộ danh mục thủ tục hành chính với cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Phối hợp các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát lại các thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình (tiếp nhận hồ sơ và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng, việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động các Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cổng thành viên, Hệ

thống giải quyết thủ tục hành chính.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông bố trí vốn cho các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện nhiệm vụ xây dựng Chính quyền số của tỉnh.

b) Tạo điều kiện bố trí kinh phí theo hình thức đối tác công tư. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai kế hoạch, dự án đảm bảo đúng tiến độ.

c) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật NSNN và các quy định pháp luật hiện hành

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp; xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về công nghệ thông tin cho các lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Nghiên cứu, đề xuất, đặt hàng, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

6. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số ngành Công Thương, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa các sản phẩm nông nghiệp của bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

7. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06, Kế hoạch phối hợp số 110/KH-BCA-UBND ngày 03/7/2023 giữa Bộ Công An và UBND tỉnh Hưng Yên.

8. Ngân hàng nhà nước Việt Nam Chi nhánh Hưng Yên

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực thực hiện công tác chuyển đổi số theo định hướng phát triển của ngành; tăng cường phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán số.

9. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

a) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chỉ đạo quyết liệt việc ứng dụng chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Tăng cường ứng dụng chữ ký số đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính, văn bản điện tử; Tăng cường cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến theo quy định tại

Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

b) Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT của đơn vị; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch ngày, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện (qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trước ngày 15/11/2025). Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./. *W*

Nơi nhận: *nh*

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TT TTHN, TT HCC;
- Lưu: VT, KGVX^{PH}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Quốc Văn

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YÊN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YÊN
Thời gian ký: 31/12/2024 14:21:08

Phụ lục 01
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ
TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 200 /KH-UBND ngày 31 /12/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì, theo dõi, đôn đốc	Đơn vị phối hợp
1	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phục vụ ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Chính quyền số, Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên.	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
2	100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã kết nối, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
3	Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
4	100% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp tỉnh đạt 90%; cấp huyện đạt 80%; cấp xã đạt 60%	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông
6	100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh
7	Số hóa, xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Thực hiện cung cấp đầy đủ 130 loại dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
8	50% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh)	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Thanh tra tỉnh
9	Thực hiện chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đối với 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đề cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo đồng bộ danh mục thủ tục hành chính với	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh

TT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì, theo dõi, đôn đốc	Đơn vị phối hợp
	cổng Dịch vụ công quốc gia		
10	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trung bình đạt tỷ lệ 90% thủ tục hành chính có đủ điều kiện. Trong đó, đối với các sở, ngành đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 80%; các địa phương đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 95%	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
11	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 65% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
12	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh
13	100% cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
14	60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
15	100% cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh
16	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%	UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
17	100% trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách	UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND cấp xã	Cục thuế tỉnh Hưng Yên
18	Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số
19	100% các thôn, xóm đang lǝm sǝng đưǝc phủ sǝng bǝng rộng di đǝng; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang bǝng rộng	Các doanh nghiệp cung cấp Dịch vụ viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông
20	Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh đạt 100%	Sở Giáo dục và đào tạo	Các cơ sở giáo dục

TT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì, theo dõi, đôn đốc	Đơn vị phối hợp
21	Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%	Sở Y tế	Các cơ sở y tế
22	Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 100%	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Các đơn vị quản lý di tích
23	100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trước khi đưa vào sử dụng phải xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
24	100% các hệ thống thông tin cấp độ 3 của tỉnh được giám sát, cảnh báo về an toàn thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành
25	30% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông

21

Phụ lục 02:
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Nhiệm vụ giao tại phần II	Đơn vị chủ trì, theo dõi, đôn đốc	Đơn vị phối hợp
1	Mục 1, các điểm a, b, c	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
2	Mục 2, điểm a	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành
3	Mục 2, các điểm b, c	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố
4	Mục 3, điểm a	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Mục 3, điểm b, c	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
6	Mục 3, điểm d, e	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
7	Mục 4, các điểm a, b	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
8	Mục 5, các điểm a, b, c	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố
9	Mục 6, các điểm a, b, c, d	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
10	Mục 7, các điểm a, c, e	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
11	Mục 7, các điểm b, d	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố
12	Mục 8, các điểm a, c, g, f	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông
13	Mục 8, điểm d	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh
14	Mục 8, các điểm b, e,	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
15	Mục 9, các điểm a, b, c, d	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Công thương, Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên
16	Mục 10, các điểm a, b	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố
17	Mục 10, điểm c	Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
18	Mục 10, điểm d	Sở Y tế	UBND huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 03
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Đơn vị	Nhiệm vụ đề xuất triển khai năm 2025
1	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	- Duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; - Xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành, địa phương - Duy trì hoạt động hệ thống mạng nội bộ LAN, thuê đường truyền của các cơ quan, đơn vị; thay thế các thiết bị tường lửa bị hỏng, thiết bị hội nghị truyền hình; mua sắm, thay thế các thiết bị, máy tính cũ; - Trang bị, bổ sung thiết bị đảm bảo điều kiện để thực hiện kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.
2	UBND huyện, thị xã, thành phố	- Nâng cấp, Xây dựng hệ thống mạng LAN tại UBND các xã trực thuộc - Xây dựng, hoàn thiện Cổng thông tin điện tử cấp xã - Tiếp tục chuyển đổi hệ thống truyền thanh FM sang hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông - Số hóa các di tích cấp quốc gia trên địa bàn huyện
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị trực thuộc	- Hệ thống quản CSDL về thủy sản thuộc cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; - CSDL hợp tác xã, trang trại, làng nghề, ngành nghề nông thôn - Phần mềm Khai thác dữ liệu số hóa Sở NN-PTNT - Atlas nông nghiệp điện tử (WebGIS) tỉnh Hưng Yên - Cơ sở dữ liệu thống kê ngành Nông nghiệp - Duy trì và phát triển Hệ thống thông tin điện tử hy.check.net.vn truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông lâm sản và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020- 2025” - Hệ thống cơ sở dữ liệu báo cáo trực tuyến nông thôn mới - Thuê ứng dụng công nghệ viễn thám trong sản xuất nông nghiệp (thống kê diện tích, giám sát và dự báo hạn hán...) - Xây dựng phần mềm quản lý, điều tiết. thông tin nguồn nước và bản đồ số về dự báo hạn hán trên địa bàn tỉnh - Nâng cấp phần mềm và thiết bị quản lý, giám sát vận hành tưới tiêu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
4	Sở Nội vụ	- Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Hưng Yên năm 2025 - Xây dựng phần mềm đánh giá công tác dân vận chính quyền đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
5	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý giáo dục nghề nghiệp - Xây dựng hệ thống thông tin quản lý lao động việc làm
6	Sở Xây dựng	- Số hóa hồ sơ lưu trữ, Xây dựng phần mềm khai thác dữ liệu số hóa (giai đoạn 2) - Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch và phát triển đô thị đồng bộ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
7	Văn phòng UBND tỉnh	- Thuê vận hành, đảm bảo duy trì hoạt động Hệ thống họp giao ban trực tuyến toàn tỉnh và Trung tâm điều hành thông minh IOC; - Thuê Ứng dụng chatbot trong hệ thống CNTT

TT	Đơn vị	Nhiệm vụ đề xuất triển khai năm 2025
		Thuê dịch vụ Cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Nâng cấp, duy trì hoạt động phần mềm công báo điện tử Bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin và các thiết bị phòng máy chủ Thuê hạ tầng và phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên; Thuê dịch vụ phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ Xây dựng hạ tầng mạng lõi của văn phòng UBND tỉnh Nâng cấp hệ thống giao ban trực tuyến toàn tỉnh; mở rộng xây dựng phòng họp giao ban trực tuyến Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh, cấp huyện Thuê phần mềm Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh IOC Thuê phần mềm Hệ thống thông tin báo cáo trực tuyến Thuê vận hành, khai thác Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Hưng Yên.
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đơn vị trực thuộc	Duy trì thuê Hạ tầng CLOUD CSDL và Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Hưng Yên đáp ứng an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ Số hóa 3D hiện vật, không gian trưng bày tại Bảo tàng tỉnh Hưng Yên Số hóa các di tích xếp hạng quốc gia năm 2025 Xây dựng ứng dụng quản lý vận động viên thể thao Thuê hạ tầng cloud số hóa di tích đáp ứng an toàn thông tin theo cấp độ Bản đồ số du lịch tỉnh Thuê hạ tầng máy chủ phần mềm Thư viện số.
		Thuê phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành giai đoạn 2025- 2028 Thuê Phần mềm giám sát nội dung thông tin mạng liên quan đến tỉnh Hưng Yên Thuê hạ tầng CNTT để phục vụ Phần mềm Quản lý Văn bản và điều hành Thuê đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ kết nối mạng diện rộng WAN của tỉnh Thuê giám sát các hệ thống thông tin quan trọng tỉnh Hưng Yên Rà quét mã độc, Đánh giá độc lập an toàn thông tin Cập nhật kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên phiên bản 3.0 Thuê hệ thống xác thực tập trung (SSO); Xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Thông tin và Truyền thông; Thuê hệ thống trực kết nối liên thông dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); Xây dựng Cổng thông tin Dữ liệu mở của tỉnh Bồi dưỡng về an toàn thông tin mạng cho cán bộ chuyên trách về CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên, nâng cao năng lực Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Duy trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm đảm bảo hoạt động của các hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu và Trung tâm giám sát, điều hành an ninh mạng tỉnh Mua phần mềm bản quyền, bảo đảm hoạt động của hệ thống phòng chống mã độc
9	Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị trực thuộc	
10	Sở Khoa học và công nghệ	Xây dựng phần mềm Quản lý sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
11	Công an tỉnh	Hệ thống Camera giám sát ATTT công cộng, trật tự an toàn giao thông giai đoạn 2 trên địa bàn 08 huyện
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	Duy trì nâng cấp phần mềm hệ thống tin tin quản lý trường học(https://http.hungyen.edu.vn)

TT	Đơn vị	Nhiệm vụ đề xuất triển khai năm 2025	
		Phần mềm thư viện điện tử	
		Phần mềm sổ sách điện tử	
		Thuê hạ tầng đảm bảo an toàn thông tin	
		Số hóa dữ liệu và nâng cấp Phần mềm Quản lý dữ liệu số hóa hồ sơ ngành giáo dục	
13	Sở Giao thông vận tải	Phần mềm quản lý hạ tầng Giao thông Vận tải	
14	Sở Tư pháp	Xây dựng hệ thống Đấu giá trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	
		Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu vi bằng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	
		Xây dựng Cổng thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Hưng Yên	
		Duy trì vận hành hạ tầng phần mềm quản lý xử lý vi phạm hành chính và Triển khai phần mềm quản lý xử lý vi phạm hành chính cho các sở ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố, cấp xã trên địa bàn tỉnh;	
		Xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa hồ sơ lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh để tra cứu, khai thác thông tin phục vụ Đề án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	
		Số hóa cơ sở dữ liệu hồ sơ trợ giúp pháp lý	
15	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Bảo đảm trang thiết bị CNTT và triển khai đường truyền số liệu chuyên dùng quân sự đến Ban CHQS các huyện, thị xã.	
		Cải tạo nâng cấp Phòng đọc điện tử	
16	Sở Tài chính	Số hóa hồ sơ lưu trữ thuộc quản lý của Sở Tài chính, xây dựng phần mềm khai thác dữ liệu số hóa.	
		Nâng cấp, mở rộng và vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương;	
		Duy trì và quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về tài sản công tại địa phương để đảm bảo phù hợp với Luật quản lý, sử dụng tài sản công	
17	Sở Y tế	Thuê phần mềm cơ sở dữ liệu ngành y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2028	
		Thuê phần mềm quản lý khám, chữa bệnh cho các trạm y tế tuyến xã, phường, thị trấn và các cơ sở khám chữa bệnh phục vụ triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VneID phục vụ Đề án 06, giai đoạn 2025-2028.	
		Triển khai Dự án Bệnh án điện tử tại 1 Bệnh viện khoa tuyến tỉnh	
		Thuê cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và vận hành Nền tảng số Hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân của Bộ Y tế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2025-2028	
18	Hội chữ thập đỏ tỉnh	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu vận động hiến máu tình nguyện tỉnh Hưng Yên	
19	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Hệ thống quản lý quy trình sản xuất tin bài đa nền tảng (giai đoạn 2)	